

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

(Phần Thượng)

II. Từ “Khi ấy đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâu được chẳng nói” trở xuống, là rộng nêu khai tam hiển nhất. Gồm bảy phẩm rưỡi, văn chia làm ba :

1. Vì hàng thượng căn nói pháp.
2. Vì hàng trung căn nói thí dụ.
3. Vì hàng hạ căn nói nhân duyên đời trước.

Cũng gọi Lý, Sự, Hành. Theo như kinh Đại Phẩm cũng chia làm ba căn... Nay dùng mười nghĩa để giải thích:

1. Có chung có riêng.
2. Có Thanh văn không Thanh văn.
3. Hoặc có dày mỏng.
4. Căn chuyển không chuyển.
5. Căn có ngộ không ngộ.
6. Lãnh giải không lãnh giải
7. Đắc ký không đắc ký.
8. Ngộ có cạn sâu.
9. Ích có quyền thật.
10. Đợi thời không đợi thời.

1. Nêu chung, riêng: Vòng đầu, riêng thì gọi là nói pháp; chung thì đủ cả ba: như “một khi hoa Ưu đàm hiện”, tức là nói Thí dụ, “nếu ta gặp chúng sinh thì tận tâm dạy Phật đạo”, tức là nói Nhân duyên. Vòng giữa, riêng thì gọi là nói Thí dụ. Chung thì cũng ba: “ta trước há không nói đều vì giáo hóa Bồ-tát”, là hợp Thí dụ, “một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” tức là nói Pháp; “ở nơi hai vạn ức Phật thường giáo hóa ông” tức là nói Nhân duyên. Nếu nói văn này thuộc nói Pháp, thì có thể chấp nhận “Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa, tìm phương nghi cứu tế”, tức là nói Nhân duyên. Vòng sau cùng, riêng thì gọi là nói Nhân duyên đời trước; chung thì cũng đủ ba: “đến thời Niết-bàn chúng

lại thanh tịnh khiến nhập Phật tuệ” là nói Pháp, “có một đạo sư” là nói Thí dụ. Để làm ra ba vòng, thì từ “nhiều”, từ “chánh”, từ “lược”, từ “bên”. Muốn khiến danh tự không bị lạm dụng thì đều căn cứ một Lý đó thôi.

Hỏi: Ba vòng vì người ba hạng căn cơ, một vòng chung có ba thuyết, một thuyết nên chung cho ba căn?

Đáp: Nói pháp chẳng những chỉ thích hợp với hạng thượng và trung thượng, mà còn có hạng trung hạ. Theo chánh, lược, bên, cho nên nói phù hợp với người thượng căn. Hai vòng còn lại cũng như vậy.

2. *Nêu có Thanh văn không Thanh văn*: Ngài Quang Trạch nói quyết định có Thanh văn thực hành; nếu nói không có thì thật quyền làm sao ứng? Ngài Khai Thiện giải thích: Không có Thanh văn thực hành, và dẫn kinh Thắng-Man nói: hàng tam thừa sơ nghiệp không ngu ở pháp, ngoại phạm đã biết Nhất thừa, sao lại có Nhị thừa còn chấp tiểu quả? Kinh nêu có (hữu), thì là quyền vậy. Hai vị này còn thiên chấp, trái với kinh, lầm nghĩa. Nếu quyết định có, thì kinh sao lại nói: “không có đệ tử Thanh văn, chỉ giáo hóa các Bồ-tát”? Nếu quyết định không, thì ai nhập hóa thành? Cũng không có ba thừa để hội nhập và quyền làm sao dẫn? Nếu nói thật có, vì quyền dẫn, thì cũng nên thật có tam tạng Phật, lại vì quyền tam tạng Phật dẫn dắt. Nếu thật không có Phật này mà chỉ có quyền Phật, thì ý gì Phật không chấp nhận: Chỉ có quyền Thanh văn mà không có thật Thanh văn ư? Nghĩa đây không đúng. Nếu thật có đoạn Hoặc giới nội, gọi đây là thật mà quyền ứng vậy, thì chỗ nào có Phật đoạn Hoặc giới nội, mà có quyền Phật ứng với Phật đây? Nay nói là có, và không thể thiên chấp. Nếu theo sự này, tức cho Trưởng giả là Thực trí, đến quan sát thì không có việc giả làm Khách. Nếu cho rằng căn tánh của gã cùng tử là thực trí, thì chính tự nó đã biết là người nhận tài sản rồi!

Pháp Hoa luận nói có bốn thứ Thanh văn:

1. Quyết định.
2. Thượng mạn.
3. Thoái đại.
4. Ứng hóa.

Hai hạng trước chưa thuần thực, không được thọ ký; hai hạng sau được thọ ký. Nếu theo kinh này thì phải có năm hạng:

1. Đã từ lâu huân tập Tiểu thừa, đời nay đạo thuần thực, nghe giáo Tiểu thừa mà chứng quả, như Luận gọi là Quyết định Thanh văn.

2. Vốn là Bồ-tát tu đạo nhiều kiếp, thời gian giữa lại nhầm chán

sinh tử mệt mỏi, nên thoái đại chấp tiểu. Kinh Đại Phẩm gọi là hạng Thiện căn biệt dị. Vả lại, Phật để thành tựu tiểu đạo cho họ mà thuyết tiểu giáo, dạy họ dứt bỏ phiền não, gieo mầm nhân cho pháp sinh ra. Tuy thoái đại nhưng huân tập theo tiểu giáo chưa lâu, do đó gần lý thì dễ ngộ, như Luận gọi đây là Thanh văn thoái lui Bồ-đề.

3. Do hai hạng này nên chư Phật chư Bồ-tát bên trong là ẩn hạnh Bồ-tát, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, thành tựu dần dần khiến cho chúng sinh nhập đại đạo, như Luận nói là Ứng hóa Thanh văn.

4. Nếu thấy hai thứ quyền thật, có thể vượt ra ngoài sinh tử, ưa thích Niết-bàn tu giới định tuệ, có quán tuệ yếu, chưa nhập tướng tự vị, sắp có sở đắc, mà cho là chứng quả, đây gọi là chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói chứng, thì Luận gọi là Tăng thượng mạn Thanh văn.

5. Đại thừa Thanh văn, dùng Phật đạo thanh để cho tất cả được nghe văn. Nếu từ hai thứ: Quyết định và Thoái Bồ-đề, thì có Thanh văn. Nếu theo lý Đại thừa, thì không thiêu thân diệt tâm để vĩnh viễn trụ Hóa thành, mà cuối cùng trở về Bảo sở. Thật đã vậy, thì không có quyền, cho nên không có Thanh văn. Nếu là tăng thượng mạn, tức đã chưa nhập vị, thì chẳng phải thật. Lại, chẳng ứng hóa thì chẳng phải quyền. Nếu hiểu được ý này, thì có hay không đã rõ ràng đâu cần khổ công tranh luận! Lại nữa, chỉ căn cứ Đại thừa Thanh văn mà luận về có không: Nếu là quyền tác ứng hóa, ngoài hiện tích Tiểu thừa, trong ẩn chứa đại đức, thì gọi là không có Đại thừa Thanh văn. Nếu từ tự hành mà phát tích hiển bản, thì nói có Đại thừa Thanh văn. Nay ý chính khai tam hiển nhất, tức vì hạng Thanh văn quyết định và thoái Đại, khiến trở thành Đại thừa Thanh văn. Tự hành đã lập, tức có thể biến hóa làm Ứng hóa Thanh văn. Nếu hiểu được ý này, thì thấu đạt có không.

3. *Hoặc có dày, có mỏng*: Sư Dao nói: “Tam căn đắc quả rồi sau du quán vô sinh, lý vô sinh là một, và xuất quán duyên ba giáo thì khác. Vì ba giáo hẳn nhiên là khác, nên nghi hoặc cái Lý vô sinh là một, nghĩa là Giáo đã là ba thì sao Lý lại dung chứa một? Lại, theo Lý một mà nghi hoặc ba giáo, Lý đã là một, thì Giáo sao lại được ba? Do dự giữa Giáo và Lý, lúng túng về được và mất. Theo Lý mà nghi hoặc Giáo, thì có nghĩa được; theo Giáo mà nghi hoặc Lý, thì có nghĩa mất. Hàng thượng căn theo Lý mà nghi hoặc Giáo, tình nhiều, nên vừa nghe pháp thuận tình liền ngộ. Hàng hạ căn theo Giáo mà nghi hoặc Lý, tình nhiều, nghe pháp nói không có ba giáo, trái với suy tính trước đây, nên phải ba phen nghe mới hiểu. Hàng trung căn ở giữa hai bên, nghe nói

pháp thì không ngộ, mà nghe thí dụ thì liền hiểu.

Nay cho rằng giải thích ba căn đó chưa hẳn phải như vậy. Ba hạng căn cơ này phân vân những Giáo Lý nào? Nếu lúng túng về Lý, Giáo Tiểu thừa, thì nghi-hoặc chưa dứt hết, vẫn còn chưa phải là người đã dứt bỏ phiền não chứng sơ quả. Nếu lúng túng về Lý, Giáo Đại thừa, thì Đại thừa rõ ràng hoàn toàn khác, đâu từng lạm dụng Tiểu thừa? mà nói là phân vân ư? Nếu theo Tiểu thừa mà nghi hoặc Đại thừa hay theo Đại thừa mà nghi hoặc Tiểu thừa, thì như vậy trước đó chưa bài xích phương tiện sao lại bỗng nhiên nhập xuất du quán vô sinh? Nếu cho rằng có sẵn phân vân, thì đã sinh nghi ngờ đã động lòng chấp, chẳng phải mới bắt đầu ngày nay. Nếu trước đã động chấp sinh nghi, thì khi nghe khai tam hiển nhất tức phải biết, làm sao bỗng còn có kinh nghi? Tiến thoái không căn cứ, cho nên không dùng kiểu giải thích đó. Nay nói căn thì có lợi độn, đều luận về căn tánh Đại thừa mà nghi hoặc thì có dày có mỏng, Căn cứ vào Biệt hoặc mà nói thì gồm có bốn câu:

1. Hoặc nhẹ, căn lợi.
2. Hoặc nặng căn lợi.
3. Hoặc nhẹ căn độn.
4. Hoặc nặng căn độn.

Nếu Biệt hoặc nhẹ đại căn lợi, thì lần đầu nghe liền ngộ. Nếu Hoặc nặng căn lợi, thì nghe lần thứ hai mới hiểu. Nếu Hoặc nhẹ căn độn, thì ba phen nghe mới quyết. Câu thứ tư, mặc dù ba phen nghe mà không thể đắc ngộ, thì chỉ là chúng kết duyên đó thôi! Hoặc là có thể hai câu đầu đều là căn lợi, đồng là thượng căn. Hoặc là có thể hai câu giữa là trung căn hạ căn... Lại nữa, căn cứ phẩm đầu của ba lớp vô minh. Lại sơ trú Trung đạo, như lần đầu thuyết pháp thì hạng thượng căn dứt sạch ba lớp vô minh trong chốc lát, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký Bồ-đề, hạng trung căn thì đoạn trừ hai lớp vô minh; hạ căn đoạn trừ một lớp. Tiếp đến khi thuyết thí dụ, thì hạng trung căn đoạn hết lớp vô minh thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký biệt; hạng hạ căn tiến tới đoạn được lớp thứ hai. Tiếp đến khi nghe nói nhân duyên, thì hàng hạ căn đoạn trừ hết lớp thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát. Theo như Tiểu thừa, nếu mười sáu tâm chưa đủ thì không được gọi là Sơ quả, đủ mười sáu tâm mới được gọi là Tu-đà-hoàn.

4. *Nêu có chuyển căn không chuyển căn:* Xưa nói hàng thượng căn lần đầu nghe thuyết pháp liền ngộ, hạng trung căn thì chuyển lên đồng hàng thượng căn, hạng hạ căn tiến lên đồng hàng trung căn. Khi

nói thí dụ thì hạng trung căn trước nghe rồi thành thượng căn, tức có thể đắc ngộ, hạng hạ căn chuyển thành thượng căn. Tiếp đến, khi Phật nói nhân duyên thì hàng hạ căn nghe rồi đồng với thượng căn, cho nên liền đắc ngộ. Nếu thế thì chuyển hạ thành thượng. Khi nói nhân duyên thấy đều là thượng căn vì lợi thì đồng nhau, sao lại còn gọi là hạng độn căn đời nói nhân duyên? Nếu chuyển thành thượng căn, thì đồng ngộ như thượng căn. Nếu như chưa ngộ, còn chịu gọi là độn, thì không có nghĩa chuyển căn. Ví như Thân-tử nghe lần đầu, Mục-liên nghe lần thứ hai đồng đắc sơ quả. Nếu cả hai đều lợi, thì không còn có hơn kém. Nếu còn gọi là lợi và độn, thì nghĩa chuyển căn ấy không thành. Chúng sinh tâm thần bất định, gặp ác duyên thì chuyển lợi làm độn, gặp thiện duyên thì chuyển độn làm lợi. Đời trước gặp Phật nghe pháp tự có chuyển hạ căn trung căn làm thượng căn, đều nghe nói pháp liền được ngộ; tự có chuyển hạ căn làm trung căn, nghe nói thí dụ được hiểu. Hạng hạ căn không chuyển thì ba vòng mới hiểu. Như đây chuyển căn không giống như xưa giải thích. Ví như ba đao chém gỗ, cái thứ nhất: bén (lợi), cái thứ hai: trung bình, cái thứ ba: cùn (độn), gọi là có lợi độn khác nhau, nhưng nơi gỗ bị đứt thì đồng, không sai.

Hỏi: Hàng tam căn nhập Sơ trụ vị, còn có lợi độn không?

Đáp: Chân thật tu hành Thể hiển bày thì không sai biệt.

Hỏi: Nếu vậy hàng Sơ trụ trở lên, lại khởi duyên tu, thì có hơn kém không?

Đáp: Đây người đồng địa vị, không còn hơn kém. Chân thật tu thì Thể dung hợp há có gì sai khác ư?

5. *Nêu có ngộ không ngộ*: Trong kinh phần nhiều nói Bồ-tát là bậc thượng căn, Duyên giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Nếu nói Bồ-tát là thượng căn, thì phải đều được ngộ khi nghe nói pháp, Duyên giác phải đều được hiểu khi nghe nói thí dụ, Thanh văn phải đều được ngộ khi nghe nói nhân duyên? Tuy nhiên, trong kinh mà chỉ một lần xem qua, rồi phân biệt rõ ra ba căn, cho đến phân biệt ngộ giải, thì về nghĩa chưa hẳn đúng. Kinh này chỉ thấy Thanh văn được hiểu, không thấy Bích-chi-phật. Vì Bích-chi là trung căn, đã gặp Phật xuất thế, nhập vào số Thanh văn, tùy căn được ngộ, nên không nêu riêng Duyên giác. Cho nên Thân-tử thỉnh kệ rằng “Hạng người cầu Duyên giác, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni”. Y văn này thì biết hạng Duyên giác nhập vào số bốn chúng. Lại, Phẩm Pháp Sư nói: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, sao lại không có Duyên giác được hiểu ư? Xưa nói Bồ-tát là thượng căn, không hẳn tất cả đều là lợi căn, mà nói

theo số nhiều là thượng căn. Nếu mà tâm chấp dễ chuyển, vốn là họ có hoài bảo cầu Phật, chỉ vì chấp quá ba trăm hội (chỉ cho số pháp hội rất nhiều trong một đời thuyết pháp của Đức Phật) rồi tức cầu cận quả, thì nghi này dễ ngộ. Tam căn Bồ-tát cùng nghe nói pháp được hiểu, thượng căn thì nghe lược nói pháp ngộ ngay, trung căn thì tại thời đầu của quảng thuyết, hạ căn thì cùng ngang bằng Thân-tử. Nay nói Bồ-tát tức nêu chung, chỉ cần phát tâm Đại thừa, thì đều là Bồ-tát, đâu cần phải đều là lợi căn, và số ngang bằng Thân-tử cũng còn ít, đâu được trước nghe nói pháp vòng đầu rồi đều được ngộ? Nếu thế, thì trong phần lưu thông sau khi nghe Phật thuyết Thọ Lượng vì sao các Bồ-tát liên tiếp được ngộ Vô sinh nhẫn, phát Bồ-đề tâm? Xưa nói: “Các vị ngộ trong phẩm Thọ lượng, đều là pháp thân, tăng đạo tổn sinh”. Nay nói không như vậy. “Có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa người đắc Vô sinh pháp nhẫn”, khi nghe phẩm Thọ Lượng họ mới đắc nhẫn này, nên biết trước Thọ Lượng chưa phải là pháp thân, cho nên biết Bồ-tát đắc ngộ không thể hạn cuộc tại lúc đầu của vòng thứ nhất.

Hỏi: Bồ-tát đắc ngộ suốt từ đầu đến cuối, hàng Nhị thừa đắc ngộ có lẽ đến cuối sau?

Đáp: Ba vòng định thiên tánh của cha con đã xong, thì đều gọi là Bồ-tát. Nếu ngộ sau, thì cũng gọi là Bồ-tát ngộ.

6. *Nêu có lãnh giải không lãnh giải*: Nếu Tam thừa đồng ngộ, vì sao chỉ thấy Thanh văn lãnh giải, hai thừa kia thì không có? Nay nói rõ: Không có Phật xuất thế thì gọi là Độc giác. Nghe Phật thuyết pháp thập nhị nhân duyên thì gọi là Duyên giác. Đã nhập vào trong số Thanh văn đắc ngộ lãnh giải, thì đều không nêu riêng, đại ý có thể biết. Thân-tử, Ca-diếp... đều là căn tánh trung thừa, cho nên hàng Thanh văn lãnh giải gồm luôn cả Duyên giác, không nhọc công nêu riêng. Lại, trong tứ chúng có người phát tâm Duyên giác, trong số đó người đắc ngộ tức chẳng phải chỉ một người. Phẩm Tín Giải nói: “Mật sai hai người đuổi theo bắt đem về” tức là nghĩa kia. Bồ-tát không lãnh giải, nghĩa là từ trước đến nay Giáo không nêu Thanh văn được thành Phật, nay kinh này mở cho họ con đường trở về Đại thừa, chính bởi sợ hiểu lầm lời Phật nên đối trước Phật, họ trình bày sự hiểu biết ấy. Bồ-tát không như vậy, cho nên không lãnh giải. Lại, ý kia có ba:

1. Bản ý Bồ-tát cầu thành Phật, dù có chấp khác mà chấp nhẹ, cuối cùng cũng trở về chấp quả thành Phật, không có sự lo lắng “không đắc”. Nay nghe thuyết ba vòng, chỉ là đúng với quán tuệ của mình, cho nên không cần lãnh giải.

2. Bồ-tát ngộ Đại thừa thì khắp các kinh đều có nói, Nhị thừa làm Phật thì mới bắt đầu nói từ kinh này. Theo ý chính mà lưu truyền nên lược bớt phần Bồ-tát lãnh giải. Hoặc là ở Phạn văn thì có, Hán văn thì lược, không ghi chép?!

3. Ở vị Bồ-tát tu hành rất sâu, hàng tân học tiểu Bồ-tát không dám lãnh giải, đến khi Phật thuyết Thọ lượng xong, bảo ngài Di-lặc rằng: tất cả đều lãnh giải, bắt đầu từ Vô sinh pháp nhẫn đến cuối là còn một đời nữa sẽ thành Nhất thiết trí đó là lãnh giải đầy đủ, lại còn mong cầu điều gì nữa?

7. *Nêu Đắc ký không đắc ký*: Nếu đồng đều lãnh giải, thì cơ sao Thanh văn được thọ ký, mà không thấy Duyên giác, Bồ-tát được thọ ký? Đây cũng có ba ý :

1. Xưa kia nói Nhị thừa không thể phát tâm nhập vị Chánh giác, thì do đâu mà được thọ ký? Nay đã ngộ Đại thừa, vui với sự quyết định khác, cho nên được thọ ký về kiếp và cõi. Bồ-tát phát tâm cầu Phật, tu hành thành tựu, tự cảm thấy đủ, nên không ham thích cầu mau làm Phật, cũng không cần gấp được Phật thọ ký. Vả lại, giáo lý trước đây, đều có thọ ký cho Bồ-tát, đây là thường thuyết, nay theo chính yếu mà truyền, giải thích như trước...

2. Bồ-tát cũng được biệt ký: Điều Đạt và Long nữ, đâu chẳng phải được thọ ký ư? Lại phẩm Pháp Sư nói: “Người cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, cầu Phật đạo, các loại như vậy đều ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa, ta đều thọ ký cho họ sẽ đắc Tam-bồ-đề”, đó há chẳng phải đều được thọ ký ư?

3. Hàng Nhị thừa từ xưa đến nay chưa từng được thọ ký tám tướng, cho nên thọ ký cho họ về kiếp và cõi nước; Bồ-tát trước đã từng được thọ ký, cho nên không lặp lại đó thôi! Hàng Sơ trụ đã được thọ ký nông gần, chẳng phải là điều mà Bồ-tát ưa thích, điều mà Bồ-tát ưa thích chính là thọ ký xa đến Viên mãn Diệu giác tột cùng cực. Cho nên nghe phẩm Thọ Lượng xong thì vô số chúng sinh được lợi ích lớn, từ thấp nhất là hạng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đến cao nhất là Đại Bồ-tát một đời sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là do ở Diệu nhân mà được quả viên đốn tột cùng, đây mới là pháp thân Bồ-tát được ký biệt, sao gọi là vô ký ư!

Hỏi: Nếu Tiểu thừa ngộ Đại thừa, lẽ ra đồng thọ ký pháp thân sao chỉ được thọ ký tám tướng ư?

Đáp: Tám tướng là ứng ký, đã được ứng ký thì biết chắc chắn là có bản, vì muốn khiến cho hữu tình biết nghe cùng kết duyên mai sau,

nên ứng ký cho đó thôi!. Lại nữa, Nhị thừa đây nếu nghe được Thọ lượng thì đồng tổn sinh, được thọ ký pháp thân vậy.

8. *Nêu ngộ có cạn sâu*: Đã một phen đồng phá vô minh chứng nhập Sơ trụ, tất ít nhất cũng phải soi sáng chỗ tối tăm, ban đầu nghe nói pháp mà còn nhập Phật tuệ, lại nghe nói Thí dụ đầu thể không sáng thêm, lại nghe Lý nhân duyên tức tự tăng tiến, lại nghe Thọ lượng, càng thêm sâu xa. Như người nghe pháp, nghe lại ắt phải hơn trước. Còn nghĩa đơn, phức, dày, mỏng có thể biết.

9. *Nêu Quyền Thật được lợi ích không đồng*: Có một giải thích rằng: “Hành ở Thật được lợi ích, hành ở Quyền chỉ là tiếp dẫn ảnh hưởng, không luận đến lợi ích kia”. Nay nói rõ không như vậy. Nếu đến phẩm Thọ Lượng thì quyền thật đều được lợi ích, tăng đạo càng cao, tổn sinh càng hết, gần viên bên cạnh cực thì chỉ có Nhất sinh, đâu chẳng phải quyền ấy lợi ích ư? Do đó ban đầu là khiến ảnh hưởng đều thuận thực ở hành thực, sau nói quả tốt cùng thì đạo tự sáng tỏ. Văn nói: “Xuất nhập lợi tức biến khắp các nước khác”. Sinh lợi tại nước khác tức là lợi mình, Thật hành được lợi ích, do nơi Quyền dẫn, công hóa tha trở về mình, Quyền cũng được lợi ích. Cho nên, một âm diễn thuyết pháp mà chúng sinh tùy loại đều được hiểu hết, đâu cần phải đợi đến khi nghe Thọ lượng?... Lại, ta tự muốn được đại pháp chân thật thanh tịnh này tức là tự lợi ích.

10. *Nêu đợi thời, không đợi thời*: Như thế trước không ngộ, ắt đợi Pháp Hoa mới ngộ gọi là “đợi thời”. Giáo trước Pháp Hoa đã giải gọi là không đợi thời, vì sao vậy? Phật có hai thuyết: hiển và mật. Nếu theo hiển thuyết mà luận, thì trước Pháp Hoa hàng Nhị thừa chưa ngộ Đại đạo, chủ yếu cần phải có năm vị điều hòa thuận thực hội tại Pháp Hoa, cho nên kinh nói: “Vì thời thuyết chưa đến. Nay chính là đúng thời, quyết định thuyết Đại thừa”, đây tức đợi thời vậy. Nếu theo mật, thuyết mà luận, thì chưa hẳn đợi đủ năm vị tại Pháp Hoa mới hội. Vì trước đó bí mật có nhập, nên gọi là không đợi thời, đây chính là theo nghĩa Đại mà xét thời hay không thời. Nếu căn cứ ba vòng, thì cũng là đợi thời không đợi thời. Hai môn bản tích, cũng là đợi thời không đợi thời; cho đến có ngộ nhập trước sau, tức là ý này.

Hỏi: Có một thứ căn tánh chẳng mật chẳng hiển, hai thời không nhiếp, đúng là mất thời cơ vĩnh viễn không được ngộ ư?

Đáp: Các kinh khác có khi nói đây là thất thời, kinh này không như vậy. Người này tuy nơi mật hiển hai thời không ngộ, tuy tưởng là diệt độ, nhưng là sinh ở cõi kia được nghe kinh này. Cho nên, không thất

thời (mất thời) mà chính là đợi thời ở cõi kia.

Hỏi: Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi, nên gọi là thất thời ư?

Đáp: Số người này nên coi là người hoàng kinh sau khi Như Lai diệt độ, thọ sự lợi ích.

Hỏi: Thân-tử vòng đầu tiên vì hàng tam căn tứ chủng mà tỉnh, vòng thứ hai vì hàng trung căn hạ căn mà tỉnh, vì sao nói đức Phật đều vì ba hạng căn cơ, ba vòng thuyết pháp ư?

Đáp: Đây là ngữ không tiện, tỉnh thì vì tất cả mà tỉnh, thuyết thì cũng vì tất cả mà thuyết, nhưng hàng thượng căn lợi trí nghe pháp thì đắc ngộ, hạng trung căn ở vòng giữa sau khi nghe thí dụ thì đắc ngộ, hạng hạ căn ở vòng sau sau khi nghe ba lần thì đắc ngộ. Ông nên theo nghĩa, sao lại theo ngữ (lời nói).

Hỏi: Đời trước là pháp sự quá khứ, thí dụ là việc hiện tại phải không?

Đáp: Kinh không có văn nghĩa, nhưng suy ra nên như vậy. Dẫn tam trở về nhất, tam hướng về nhất, nhất như thế chính là hiện tại. Nên sự làm thí dụ, thí dụ tức là hiện tại, chuẩn sau hướng về trước, nên đúng như ông đã hỏi.

Hỏi: Xưa cho rằng ngũ trước làm chướng Đại, bốn câu giải thích như trước nói: Có người thì đoạn kiến hợp với vô minh chung làm chướng. Theo Pháp Hoa luận nói: “Người không phiền não mà có tâm nhiệm mạn, thì không biết nhất thừa pháp thân thường trú”. Nếu hàng bác địa (là hạng người biết nhiều) không chấp Niết-bàn mà không nghe pháp, tức là chỉ riêng vô minh làm chướng. Nếu vậy là sẽ ba vòng nghe pháp rồi phá vô minh, hay là chưa nghe pháp mà phá vô minh? Nếu nghe pháp rồi phá, thì vô minh chẳng phải là chướng? Nếu chưa nghe pháp mà phá được vô minh, thì đều là lo lắng, không có chướng? nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Đó là người ấy lập nghĩa, nay vì kia thông. Ví như đèn sáng thì bóng tối mất, không thể định đoạt kia trước hay sau. Tuy không trước sau, mà tối thì nhất định là chướng...

Hỏi: Kinh Thắng Man nói: “Sơ nghiệp của tam thừa không ngu muội nơi pháp, tự biết sẽ giác tri”. Kinh Ưu-bà-tắc Giới quyển mười bốn nói: “Nhị thừa tự biết đắc Bồ-đề lại còn chấp quả Tiểu thừa”. Lại, quyển mười ba nói: Người biết thì dễ, người hành mới khó. Tuy biết nhất thừa mà chấp thủ La-hán. Hai kinh kia đều nói biết, kinh này vì sao tam căn về sau vẫn tự không biết? Ban đầu nghi, sau ngộ, nghĩa đây như thế nào?

Đáp: Kinh này cũng nói biết. Văn nói: “Nếu thật đắc La-hán mà không tin pháp này, thì không có chỗ ấy; trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không có Phật”. “Người này tuy khởi tưởng là diệt độ nhưng nếu gặp được đức Phật khác thì được quyết liễu”. Gồm có ba ý:

1. Trước nêu biết.
2. Tiếp nêu không biết.
3. Sau cùng hợp qui về biết, không phải vĩnh viễn không biết.

Lại, Thân-tử nói: “Nay ở trước Phật, chúng đều rơi vào nghi hoặc, ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?”. Lại, thời đức Phật Đại Thông, thì Thanh văn phần nhiều sinh nghi hoặc, họ được thấy Phật nghe pháp mà còn nghi không biết, huống chi không thấy nghe, thì sao bỗng được biết? Nếu chấp hai lời văn trên, thì mâu thuẫn lẫn nhau, chỉ tăng thêm sự cạnh tranh, đối với đạo đâu có lợi ích? Luận ấy nên ngưng lại, có thể luận các việc khác. Thanh văn thành Thánh năng biết hay không năng biết, chỉ có cảnh giới Phật mới rõ, không phải chỗ có thể luận bàn. Nay thử làm sáng tỏ tam thừa sơ nghiệp. Sơ nghiệp có hai: nếu lâu xa là sơ nghiệp từng nghe Đại, thì không ngu muội đối với pháp. Nếu chấp nhận trung gian quên, ngày nay học Tiểu thừa, bắt đầu tu Niệm xứ làm sơ nghiệp, thì không biết nghĩa ấy như thế nào? Nếu hiểu được ý đây, lấy Quyền làm sơ nghiệp thì có thể biết, lấy Thật làm sơ nghiệp thì không thể biết. Có người nói: “Người lợi căn thì có thể biết, người độn căn thì không thể biết”. Đây lẽ ra có bốn câu: Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều không thể biết, Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều năng biết, Quyền làm lợi độn, nghe thì năng biết, không nghe không biết, Quyền làm lợi độn, đều chỉ bày chẳng biết chẳng không biết. Nay không dựa vào đây để phê phán, mà chỉ chọn quyền thừa tức trong tâm liễu liễu, từ lâu đã biết Thật thừa. Người tu hành vì chưa đắc nhập Đại, cho nên không biết. Đối với nghĩa tự hiển bày...

Hỏi: Duyên giác xuất hiện gặp thời không có Phật vì sao ba vòng được có Duyên giác?

Đáp: Thích Luận nói: “Duyên giác và Độc giác: Độc giác xuất hiện gặp thời không có Phật, Duyên giác nguyện sinh vào thời có Phật”. Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát hạ xuống Đâu-suất phóng hào quang chiếu sáng, giác thì xả thân, không giác thì dời đi. Đại kinh nói: Tuệ tinh. Trung luận nói: Bích-chi-phật xuất thế, thì Phật pháp đã diệt, đây là người Độc giác. Nguyện sinh đời có Phật, trước đắc sơ quả mười bốn đời chưa mãn, gặp Phật thì thành La-hán, không gặp Phật thì thành Độc giác. Kia đã gặp Phật cũng không xả thọ mạng cũng không

bị đời đời, nguyện thấy Phật cho nên nhị quả tam quả theo lệ thường thì như vậy. Lại, có Bộ hành Duyên giác, vào thời không có Phật thì thấy trò dạy bảo giáo hóa. Đây nên có hai hạng: Sau thời không có Phật, không có văn tự, chúng sinh căn độn, thì Bích-chi-phật không thuyết pháp, đây không phải Bộ hành. Bộ hành là năng thuyết pháp. Lại, có biến hóa Duyên giác, để thích ứng với người muốn thấy thì hiện thân Duyên giác. Nay trong pháp hội qua ba vòng có Duyên giác, nghĩa kia có thể tự hiểu...

Vòng đầu tiên nói pháp, văn chia làm năm phần:

1. Từ “Ông đã ân cần ba phen thỉnh đầu được không thuyết” đến hết quyển (hết phẩm Phương Tiện), chính là Phật nói pháp.

2. Từ đầu quyển thứ hai (phẩm Thí Dụ) đến hết phần kệ tụng đầu tiên, là Thân-tử lãnh giải.

3. Từ “Ta nay ở trong hàng trời người” đến “Phật sở hộ niệm”, là Phật thuật lại sự thành tựu.

4. Từ “Ông ở đời sau” đến “Nên phải tự vui mừng”, là thọ ký.

5. Từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” đến “Trọn hồi hưởng Phật đạo” là bốn chúng hoan hỷ.

Phần 1: Có Trường hàng và Kệ tụng:

Trường hàng chia làm ba:

1. Hứa (chấp thuận).
2. Thọ chỉ.
3. Chánh thuyết.

- Hứa văn chia làm ba:

1. Thuận hứa.
2. Giới hứa.
3. Giải hứa.

“Ông đã ba phen thỉnh” là thuận hứa. “Ông nay lắng nghe” là giới hứa, “lắng nghe” là Văn tuệ, “khéo suy nghĩ” là Tư tuệ, “nhớ đó” là Tu tuệ. Đại kinh nêu bốn thiện pháp làm nhân đại Niết-bàn: Thứ nhất là Như Lai thiện tri thức. Ba thứ còn lại có thể hiểu. “Khi Phật nói lời ấy” là giải (chọn lọc) chúng hứa. Năm ngàn người còn ngồi trong pháp hội cho nên đức Như Lai ba lần nói “thôi”, nay sẽ hứa thuyết, do uy thần của Phật khiến bọn họ bỏ đi, nên nói: chọn lọc chúng. Do ngũ trước chướng nhiều, gọi là “tội nặng”. Chấp Tiểu che lấp Đại, gọi là “gốc sâu”. Chưa đắc mà cho là đắc, gọi là “thượng mạn”, chưa đắc ba quả chưa chứng Vô học. “Có lỗi dưng ấy” tức là ba thứ lỗi: chướng, chấp và mạn. “Mà không ngăn cản”, trên nghe khai tam hiển nhất, mới

nói sơ lược nghĩa mà họ đã ẩn chứa sự ngờ vực, nhưng sinh phỉ báng, huống là nói đủ nhân duyên cất giữ hạt châu, cho nên họ bỏ đi thì có ích. Nếu nghe rộng về khai tam hiển nhất, trái với tình, họ khởi tâm phỉ báng, thì có tổn hại. Vì vậy cho nên Phật không ngăn cản. “Trong chúng đây không còn cành lá”, vì cành lá thì vụn vặt không thể làm đồ dùng, hạng này chấp phương tiện trong phương tiện, chẳng phải là pháp khí Đại thừa. Đại Phẩm nói: “Bám lấy cành lá mà bỏ gốc rễ, thì người ấy không thông tuệ”, tức là nghĩa này. “Lui về cũng là tốt” đã vì Tiểu mà tự che lấp, lại cản trở ánh sáng Đại của chúng khác. Nay thoái lui không chỉ trích phỉ báng pháp, và không có lỗi làm chướng ngại người khác, cho nên nói “tốt”. Trước đó vì cành lá chưa bỏ nên Như Lai ba phen nói “thôi”. “Chỉ còn hạt chắc”, “nguyện nghe”, cho nên Thân-tử thỉnh lần thứ tư. Thầy trò cùng xem xét kỹ căn cơ trong chúng, không phải riêng trò khẩn khoản thôi vậy.

Hỏi: Đức Phật đại từ bi, sao không dùng thần lực khiến cho họ vẫn ở trong hội mà không nghe được, như trong kinh Hoa Nghiêm Thanh văn nghe mà như cầm điếc, sao không tăng tình trạng “độc cổ”(tiến trống độc) như trường hợp hai Tỳ-kheo tên Hỷ-căn và Thắng-ý?

Đáp: Mỗi mỗi đều có nguyên nhân: Ở tận cuối thời Hoa Nghiêm mới bắt đầu khai tiệm, chưa phá chấp Tiểu thừa cho nên cùng ngồi trong một pháp hội mà có cách biệt. Nay pháp của chư Phật lâu sau tất yếu phải nói chân thật. Chính muốn diệt hóa phá am, nên cần phải chọn cho đi. Nếu dù bỏ đi hay ở lại đều phỉ báng, thì phải như Hỷ-căn mạnh thuyết. Nay bỏ đi thì có ích, sao bỗng khiến ở lại? Ở lại thì có tổn hại, sao bỗng không khiến cho đi? Nếu như Hỷ-căn vì lòng từ mà mạnh thuyết, thì đức Như Lai vì tâm bi cho nên khiến họ đi.

Hỏi: Năm ngàn người nấn ở lại trong pháp hội thì không được lợi ích, vậy đi thì có ích gì?

Đáp: Đây chẳng phải chúng đương cơ, mà là chúng kết duyên đó thôi! Đã như trên nói: “Xưa vào thời đức Phật Đại Thông cũng có vô lượng chúng sinh tâm sinh nghi-hoặc, đời đời cùng sinh với Thầy, nay đều được độ”. Chúng này cũng như vậy. Khi thuyết Đại kinh có một vạn năm ngàn ức người đối với kinh này không sinh tín tâm, những người ấy ở đời vị lai cũng sẽ được tin. Theo lệ thường, lợi ích này là ở chỗ không chờ đợi lâu. Trong kinh Kim Quang Minh nói ở cõi Diêm-phù-đề có hai hạng người, cũng là theo ý đây.

“Ông nay khéo nghe” tức là kết phần Hứa. Phần Thọ chỉ thì như văn.

Từ “Pháp nhiệm mầu như thế “ trở xuống là phần chính thuyết rộng, văn chia làm hai phần:

1. Nêu bốn đức Phật, rộng nói quyền thật của chư Phật trên.
2. Nêu đức Phật Thích-ca, rộng nói quyền thật của đức Phật Thích-ca.

Ở phần trên, câu thì ít là văn lược, tổng nói chư Phật là người lược, chỉ khai tam hiển nhất là nghĩa lược. Trong phần này, chương cú nhiều là văn rộng, nêu năm đức Phật là người rộng, nêu sáu phen là nghĩa rộng. Sáu phen là:

1. Tán thán pháp hy hữu.
2. Nói không hư dối.
3. Khai phương tiện.
4. Chỉ chân thật.
5. Nêu ngũ trước, giải thích quyền.
6. Bỏ sai, đôn đốc tu Thực.

Khen ngợi pháp khiến sinh tôn trọng. Nói không hư dối để cản ngăn chúng phỉ báng. Khai phương tiện khiến không chấp Tiểu thừa. Chỉ chân thật khiến chúng ngộ Đại thừa. Nêu ngũ trước, chỉ bày phải thi hành pháp tam thừa. Loại bỏ cái sai, cần phải chân thật. Ở trong năm chương, mỗi mỗi nên đủ sáu nghĩa, mà trước sau xen nhau xuất hiện không đầy đủ là sao? Bởi do đức Như Lai khéo thuyết, khiến lược mà không thiếu, đầy đủ mà vẫn không rườm rà. Lại, sáu nghĩa trước sau cũng lại không còn...

Phần một: Nêu bốn đức Phật chia làm hai phần:

1. Tổng nêu chư Phật.
 2. Liệt nêu ba đời.
- Phần tổng nên đáng lẽ đủ sáu, nay chỉ có bốn:
- a. Tán pháp.
 - b. Không hư vọng.
 - c. Khai phương tiện.
 - d. Chỉ chân thật.

Thiếu hai nghĩa, chỉ ở văn sau. Trong tán thán pháp thì khen cả hai thí dụ và pháp. “Đúng thời mới nói”, tức chư Phật đồng xuất hiện ở đời Ngũ trước, quyết trước khai tam thừa như nay đức Thế Tôn hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật, lâu xa hiếm ít cho nên nói “đúng thời mới thuyết”. Từ lâu không thuyết là vì con người không kham nổi, vì thời chưa đến, vì năm ngàn người chưa đi. Nay, con người đã kham nổi, thời đã đến, năm ngàn người đã đi, đức Phật quyết định thuyết Đại thừa,

cho nên nói: “đúng thời mới thuyết”. “Hoa Ưu đàm” phương này gọi là “hoa Linh-thoại” ba ngàn năm mới xuất hiện một lần. Hoa hiện thì Kim luân vương xuất hiện, là tiêu biểu tam thừa điều hòa thuận thực rồi sau mới thuyết Diệu pháp, thọ ký cho Pháp vương. Lại, phân ra là phải vượt qua ba vị Lạc, Sinh-tô, Thực-tô, rồi sau mới thuyết ĐỀ-hồ. Giải thích theo Quán tâm: Quán tâm tức trung, gọi là “Thoại”, quán suốt đến Thực tướng của tất cả pháp, gọi là “Linh”... “Các ông nên tin” là khuyến tin pháp Phật nói không hư dối. Đây là lý đến chỗ thâm sâu, khác với lý xưa. Đây nói rất vi diệu, trái với xưa nói. Đây hành rất khắp, trái với xưa hành. Đây người rất thù thắng, hơn người xưa. Rồi lại chỉ xưa người làm bốn hạng là thô, mà nay đều là diệu. Sợ người nghe sinh phỉ báng, cho nên khuyến tin. Tin người thuyết không hư dối và tin pháp được thuyết là không hư dối.

Từ “Theo thời nghi mà thuyết pháp” trở xuống, là Khai phương tiện, văn chia làm ba: Khai mở, Giải thích, Tổng kết. Phần khai nêu Phật đạo tùy theo ba hạng căn cơ, để thích nghi nên thuyết phương tiện, cho nên nói “theo thời”. Ý Phật là pháp thật mà chúng sinh chẳng thể hiểu, cho nên nói “ý thú khó hiểu”. “Vì sao?” là để giải thích. Nêu quyền năng của đức Phật nay, giải thích chư Phật phương tiện, xảo tuệ đồng, cho nên mượn đây để giải thích kia. Như “Ta dùng vô số phương tiện”, là chư Phật khai quyền cũng như ta vậy. “Pháp ấy chẳng thể suy lường”, đây có hai nghĩa: Hoặc là kết phần khai Quyền, hoặc chính là để hiển Thật. Kết khai quyền, là “ý Phật khó biết, chỉ có Phật với Phật mới hiểu được”. Người lãnh thọ cho là ba, chư Phật biết một thôi.

- Hiển thật, tức thuộc văn sau, văn chia làm năm phần:

1. Nêu pháp và Người đều thù thắng.
2. Nêu ý Phật xuất thế.
3. Chỉ bảo lại.
4. Chính giải thích.
5. Kết thành tự.

Phần một: Nêu Pháp và Người, pháp vô phân biệt chỉ có đức Phật mới biết. Phật dùng trí vô phân biệt để hiểu biết pháp vô phân biệt, tức là hiển thật pháp. Từ “Vì sao” trở xuống là phần hai: Nêu ý xuất thế, có hai phần: một là tổng, hai là phân chữ. Tổng là chư Phật giác ngộ tương như thật, vì thật đạo này xuất ứng thế gian chỉ khiến cho chúng sinh đắc thật tướng này, chỉ vì sự này mà xuất hiện ở đời, chưa từng có sự khác. Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều gọi là ma sự.

Phần hai: Phân chữ giải thích: “Một” là một thật tướng chẳng

phải năm, chẳng phải ba, chẳng phải bảy, chẳng phải chín, cho nên nói “Một”. Tánh kia rộng lớn, rộng đến năm, ba, bảy, chín cho nên gọi “đại”. Nghi thức chư Phật xuất thế, gọi là “sự”. Chúng sinh có cơ này cảm đến đức Phật, cho nên gọi là “nhân”. Phật nương căn cơ mà ứng cho nên gọi là “duyên”. Đó là bản ý xuất thế. Mà nay khai ba làm một lộng dẫn đó thôi. Như người muốn nhận lấy, trước sẽ cho họ, tuy nói các thứ đạo nhưng kỳ thật là một thừa, tức nghĩa đây vậy. Từ “Xá-lợi-phất! Sao nói rằng” trở xuống là phần ba: Chỉ bảo lại. Đem ý muốn phân biệt nói lại lần nữa đề khởi làm nguyên nhân giải thích. Lại, đại sự này là cái mà đức Phật tôn trọng, như trong Thích Luận nói: Phụ vương muốn nghe nhiều lần tên Thái tử, nên thường nói không chán đủ... Từ “Các đức Phật Thế Tôn” trở xuống là Phần bốn: Chính giải thích. Trước nêu ra các kiểu giải thích. Xưa nói bốn cái nhất: Quả nhất, Người nhất, Giáo nhất và Nhân nhất. Hai câu đầu căn cứ người thuyết (Phật), hai câu sau căn cứ người thọ lãnh. Căn cứ người nói, là một phen đối với nhân môn trước, lược thuyết lý quả, trước “khai tri kiến Phật”, cuối cùng đối với quả môn sau, là rộng hiển lý quả là “thị (chỉ bày) tri kiến Phật”. Căn cứ người thọ lãnh: Nhân môn trước lược khai, mới bắt đầu được ngộ hiểu, quả môn sau rộng được thâm nhập lý thú. Nay không dùng kiểu giải thích này. Sao kinh lại nêu bốn câu đều nói là “khiến cho chúng sinh”? Ý của các lời nói đó đều quyết định căn cơ trước được lợi ích, chẳng liên quan đến hóa chủ. Cần làm cho người sở hóa được khai ngộ, sao lại phân hai câu làm người năng tác khai thị ư? Lại, chính là nhân môn thuyết pháp, khi khai tam hiển nhất, đâu được phân ra hai câu thuyết trong quả môn ư? Quả môn nhân duyên chưa hợp, đâu được dự định thuyết. Nếu vậy, thì sáu điều lành bắt đầu hưng khởi, Phật chưa ra khỏi định, lẽ ra là lược thuyết; năm ngàn người chưa đi, lẽ ra phải rộng thuyết. Hai chỗ kia đã không như vậy, thì quả môn sao lại được như đây? Phương dưới chưa xuất hiện, phân thân chưa tụ tập, thì sao được dùng hai câu nhân môn làm quả môn ư!

Tiếp đến ngài Trạch Quang nói: một câu đầu là khai trừ khai xuất. Xưa phương tiện thuyết tam khiến trừ ngũ trước, khai xuất Đại thừa để giác ngộ tri kiến đạo lý. Trước tuy vì người khai thuyết lý này nhưng không nói lý do, nay lại chỉ bày so sánh lý này khiến sinh Văn tuệ, tuy nghe mà chưa biết lý do, nên rộng phân biệt khai ngộ Tư tuệ; đã tin ngộ được ý, tức khiến phát tâm học tri kiến Phật, khiến đắc Tu tuệ, nhập đạo lý tri kiến Phật.

Nay cũng không dùng. Tại sao ông cùng với xưa, gọi là Quả nhất?

Bốn câu nên làm nghĩa quả, tại sao dùng tam Tuệ để hiểu văn? Nhân quả mâu thuẫn, trước sau trái nhau. Lại, tam tuệ nhiều loại, kinh này chính phá nhị thừa, quyết định không dùng tam Tuệ trong Tam tạng. Phương tiện của Bồ-tát cùng nhị thừa đồng, là ý của Thông giáo, lại cũng không thể dùng. Nếu tam Tuệ Biệt giáo là pháp của Bồ-tát, thì chẳng phải pháp Phật. Nếu nói tam tuệ Viên giáo, thì tam tuệ Viên giáo chưa khai tri kiến Phật, cho nên tiêu hóa kinh không nổi. Nếu các tam tuệ khác, thì cách kinh càng xa. Nếu là tam tuệ theo Viên giáo thì nghĩa Quả nhất không thành, cũng không thể dùng.

Tiếp đến Địa luận sư nói: Hằng sa thứ năm đắc tám phần giải, tức ở địa vị Tam thập tâm, là “Khai”, từ Sơ địa đến Lục địa thì Kiến Tư hoặc tận giải chuyển phân minh, như “Thị”. Thất địa đến Bát địa, không, hữu đều quán vô ngại, như “Ngộ”. Thập địa là “Nhập”. Dẫn kinh nói Thập địa gọi là nhãn kiến. Nay cũng không dùng. Vì sao? Vì kinh này nói rõ khai tri kiến Phật. Phật dùng nhất thiết chủng trí để “tri” Phật dùng Phật nhãn để “kiến”, khai trí nhãn này mới gọi là “tri kiến Phật”. Sao nói chấp lấy Hằng sa sinh tám phần giải, đây chưa nhập địa. Gọi đó là khai, thì khai như vậy tức chẳng phải khai Phật nhãn, tri như vậy chẳng phải Nhất thiết chủng trí tri, không hợp với kinh cho nên không dùng.

Có người giải câu đầu là lý, ba câu sau là lược giải. Nghĩa là tám khổ năm trước làm chướng ngại quả đương lai, tức là “đóng”. Nay giáo trừ năm trước, Phật quả tri kiến hiển bày, cho nên gọi là “khai”. Uế lụy trừ mà lý hiển bày, gọi là thanh tịnh. Ba câu sau là văn tứ tu. Vấn nạn đây đồng với trước.

Có người nói: Tam thừa Biệt giáo là “khai”, tam thừa Thông giáo là “thị”, chuyển vô lượng nghĩa là “ngộ”, Pháp Hoa là “nhập”. Lại, có người giải thích tam thừa Thông là “khai”, chuyển đổi là “thị”, vô lượng nghĩa là “ngộ”, Pháp Hoa là “nhập”. Hai lời giải này phân tích ba câu hưởng đến các kinh khác, tách ra một câu đặt nơi Pháp Hoa. Những người này đã phân tích, xuyên tạc, cắt xéo, vu khống, lỗi đó rất lớn.

Có người nói: Địa vị tam thập tâm là “khai”, Sơ địa đến Lục địa là “thị”, Thất địa đến Cửu địa là “ngộ”, Thập địa là “nhập”. Người này ở bên Thông mà cậy Biệt, nói lời như thế là chưa thấy sự đặc thù của Pháp Hoa, thì sao có thể khen ngợi kinh được?!

Có người dẫn các kinh Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Nhân Vương, luận Nhiếp Đại Thừa quyển mười bảy, Địa luận quyển năm, và nói rằng: Phạm phu đều có năm mươi hai địa vị, trước Địa có bốn mươi tâm, sao không dùng? Người này lầm dẫn kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm không

nêu Thập tín. Giả như, các bộ nêu rõ trước Địa có bốn mươi tâm (tứ thập tâm vị) đều không phải đạo đoạn, do đâu mà dùng bốn mươi tâm này để giải thích khai tri kiến Phật? Đều là nói tùy tiện đó thôi!

Có người dẫn lời của Thích Luận: “Bốn trí tổng, biệt nhất thời mà đắc”, cũng không nên dùng lời ấy để giải thích Khai thị ngộ nhập. Vì khai thị ngộ nhập tự như có sẵn. Lại, tứ trí địa vị cao, khai thị thông cận đến sâu, đây lẽ ra chẳng theo lệ. Người này chỉ thấy Thích luận nói Tứ trí nhất thời, mà không thấy Khai thị nhất thời.

Có người nói: Phi không phi hữu là “khai”, năng không năng hữu là “thị”, không hữu bất nhị là “ngộ”, biết rõ không hữu bất nhị mà nhị là “nhập”. Người này căn cứ nhị để giải thích, còn chưa thể cứu ra khỏi Nhị thừa, sao có thể là một ý với Pháp Hoa?

Có người nói: Thấu đạt lý tam đế là “khai”; tam đế phân minh là “thị”; không thấy tam đế là một là khác, là “ngộ”, tùy duyên thuận dòng gọi là “nhập”. Người này dựa vào nghĩa Tam đế quanh co, còn chưa đến pháp Bồ-tát, hướng là pháp Phật.

Có người giải thích: Tri kiến Phật là, Nhất thiết trí tổng tướng là “tri”, Nhất thiết chủng trí biệt tướng là “kiến”. Đây cũng không đúng. Thích luận nói: “Nhất thiết trí là Thanh văn trí, Đạo chủng trí là Bồ-tát trí, Nhất thiết chủng trí là Phật trí”. Đây là trải qua riêng Nhất thiết chủng trí, chẳng phải Tam trí tại trong nhất tâm, sao lại đem “Tri” của Nhị thừa để phân biệt “kiến” của Phật, để giải thích Tri kiến Phật viên mãn!

Có người giải thích: “Tận trí phiền não thanh tịnh, gọi là “tri”, là vô sinh trí nhân quả; các tai họa phiền lụy cuối cùng không còn sinh, gọi là “kiến”. Người này chấp Phật theo nghĩa chung chung gọi là giáo, giải thích Phật cứu cánh đều không tương ứng. Như trên các sự trích dẫn một cách tùy tiện các lời kinh, họ đều không thấy đại ý của Pháp Hoa.

- Pháp Hoa Luận nói:

1. Vô thượng nghĩa, trừ nhất thiết trí, hoàn toàn không có sự khác, như kinh nói “khai tri kiến Phật, vì muốn cho chúng sinh được thanh tịnh cho nên xuất hiện ở đời”.

2. Đồng nghĩa: Thanh văn Bích-chi-phật vì Phật tánh pháp thân bình đẳng, như kinh nói “muốn chỉ bày thị tri kiến Phật cho chúng sinh, nên xuất hiện ở đời”, vì Phật tánh pháp thân hoàn toàn không có sai biệt.

3. Bất tri nghĩa, nghĩa là hàng nhị thừa không biết rốt ráo chỉ một Phật thừa, như kinh nói “muốn chúng sinh ngộ tri kiến Phật, nên xuất

hiện ở đời”.

4. Muốn khiến chứng Bất thoái chuyển địa hiện cùng vô lượng trí nghiệp, như kinh nói: “muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật”.

Luận lại nói thứ tự: Câu đầu, khai tri kiến Phật là vô thượng. Tiếp theo là thị hiện Tam thừa đồng có Phật tánh pháp thân, tuy nêu Phật trí vô thượng, lại e rằng có người tưởng là riêng đức Phật mới có, cho nên câu thứ hai: nói rõ Tam thừa đồng có. Tuy Tam thừa đồng có mà nhị thừa không biết, nên có câu thứ ba: chỉ bày khiến cho biết. Tuy biết mà không đắc Bất thoái, cho nên có câu thứ tư: khiến đắc Bất thoái. Lại, lần thứ nhất, căn cứ Bồ-tát thì: “Khai” như trước, “Thị” là các Bồ-tát có nghi thì khiến họ biết như thật mà tu hành, “Ngộ” là người chưa phát Bồ-đề tâm thì khiến họ phát Bồ-đề tâm, “Nhập” là đã phát Bồ-đề tâm rồi thì khiến nhập pháp. Lần thứ ba, căn cứ phàm phu thì: “Khai” như trước, “Thị” là bảo cho phàm phu kia biết là họ có pháp thân Phật tánh, “Ngộ” là khiến cho ngoại đạo chúng sinh giác ngộ, “Nhập” là khiến nhập đại Bồ-đề. Nay sư giải bốn lần không trái với luận, luận thì giải thích mỗi mỗi một câu, nay một câu giải thích bốn cách. Luận nêu chứng địa vị bất thoái chuyển, nay giải thích theo bốn vị. Luận nói Tri là thực Như Lai năng chứng, nay giải thích theo bốn trí. Luận nêu sự đồng nghĩa, nay giải thích theo quán tâm. Luận nêu không biết xứ cứu cánh, nay giải thích theo bốn môn v.v...

Nay giải thích hiển thật vô lượng pháp đều là một, như Thập diệu trong Huyền Nghĩa thì đó là mười loại nhất, nếu hợp với xưa giải thích thì còn bốn nhất. Nếu vô lượng nhất, thì nhất sắc nhất hương đều là trung đạo, nghĩa đây có thể biết. Nếu làm mười nhất, thì văn kinh nêu đủ cả, tuy không thứ lớp nhưng mười nghĩa ấy không thiếu. “Vì sao? Vì ta dùng vô số phương tiện, các thứ duyên, lời lẽ thí dụ diễn thuyết các pháp”, văn đây là tự khai quyền. Từ “Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu”, là hiển bày Lý nhất. “Chỉ có chư Phật mới biết được đó” là Trí nhất. “Chỉ do một đại sự”, cần phải khéo phân biệt: “Một” là lý, “đại” là trí, “sự” là hành. Lý phát trí, trí dẫn hành. Theo nghĩa này thì là hiển Hành nhất. “Tri kiến” là trí biết lý, mắt thấy để pháp. Để pháp vô vi tức không còn phân biệt. Do vì vô vi mà có sai khác. Căn cứ tri kiến này mà luận khai thị ngộ nhập. Lấy lược mà phác thảo rộng thì có bốn mươi vị, đó là hiển Vị nhất. Lại, chọn kết bốn câu văn nêu “một”. “Một” tức pháp thân, “đại” tức Bát-nhã, “sự” tức giải thoát, là bí mật tạng là hiển bày ba pháp Nhất, “Xuất hiện ở đời” là hiển bày cảm ứng nhất, “chỉ giáo hóa Bồ-tát” là hiển bày quyền thuộc nhất,

“các điều làm ra” là hiển thân thông nhất, “chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sinh tỏ ngộ” là hiển lợi ích nhất, “chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp” là hiển thuyết pháp nhất. Kinh văn ẩn nghĩa tén như khế hợp. Nếu lược hợp với xưa làm bốn nhất, thì số đồng mà nghĩa khác. Xưa nói: Quả nhất nay nói Lý nhất, y nghĩa y văn. Y nghĩa: nếu không có lý nhất, thì các sự điên đảo đều là ma thuyết, chẳng phải Kinh Phật cho nên cần có Lý nhất. Y văn: Văn nói tri kiến Phật, nay chấp sở tri kiến, sở kiến tức đế, sở tri tức cảnh, cảnh đế tức lý thật tướng, cho nên gọi Lý nhất. Xưa nói Nhân nhất, nay nói Hành nhất. Nhân nói nghĩa riêng biệt, Hành nhất nói chung thu được cả nhân quả, cho nên nói Hành nhất. Nhân (người) nhất, Giáo nhất thì cùng với kia đồng. Nay hãy cứ theo lược thuyết, dùng bốn nhất để tiêu hóa kinh văn...

Trước giải thích Lý nhất, lại chia làm bốn ý:

1. Dựa vào bốn vị.
2. Dựa vào bốn trí.
3. Dựa vào bốn môn.
4. Dựa vào quán tâm.

1. Dựa vào bốn vị: Đế cảnh không thể tri kiến mà trí nhãn mới có thể tri kiến. Nhị trí tứ nhãn thì không thể tri kiến. Chỉ có Nhất thiết chủng trí Phật nhãn có thể tri kiến. Kinh nói “Vì muốn chúng sinh khai tri kiến Phật”, không luận Phật quả tự tri tự kiến. Nếu thiên nói về Phật quả thì mất chúng sinh, nếu nói chúng sinh thì không có tri kiến Phật, cho nên không thể thiên chấp. Người tu hành theo ba giáo Tạng, Thông, Biệt, chỉ là chúng sinh. Vì chưa có Phật nhãn, Phật trí, nên không thể tri kiến Phật tướng. Bốn vị theo Viên giáo cũng là chúng sinh. Lại, phân biệt đặc Phật nhãn Phật trí thì thành nghĩa chúng sinh, nghĩa tri kiến cũng thành. Cho nên dựa bốn vị đây để giải thích lý nhất, như trong Thụy tướng: Trời mưa bốn thứ hoa là tiêu biểu vạn thiện đồng quy đặc nhập bốn vị, nương bốn hoa vị để đến Phật quả, cho nên căn cứ vị để hiển lý. “Khai” tức là Thập trụ, ban đầu phá vô minh, khai Như Lai tạng, kiến lý thật tướng. Vì sao là lý tánh đức mà bị nhiễm trước hai Hoặc là Thông hoặc và Biệt hoặc. Vấn nạn có thể liễu tri. Hàng sơ tâm theo Viên giáo có thể tin, thọ, điều phục mà chưa thể đoạn thì không gọi là “khai”. Bên trong thêm quán hạnh, bên ngoài nhờ pháp vũ trợ giúp, phá sào huyết của Thông hoặc và Biệt hoặc, hiển xuất tánh chân tu tri kiến sáng tỏ khai phát. Như mặt trời hiện thì bóng tối tan biến, nhãn mục có công dụng cho nên gọi là “khai”, duyên tu phá Hoặc cho nên nói “khiến được thanh tịnh”. Kinh Nhân Vương nói: “Nhập lý Bát- nhã, thì gọi là trụ”,

trụ nơi vị Thập trụ như hoa trắng nhỏ (hoa Mạn-đà-la). “Thị” là Hoặc chướng đã trừ, thể tri kiến hiển bày, thể hiển bày đầy đủ vạn đức, pháp giới các đức hiển bày phân minh, cho nên gọi là “Thị”, tức là vị Thập hạnh như hoa trắng lớn (Ma-ha Mạn-đà-la). “Ngộ” là chướng trừ, thể hiển bày, pháp giới hành sáng tỏ, sự lý dung thông, hoàn toàn không có hai đường. Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý trí như lượng trí, nay lý lượng không hai cho nên gọi là “ngộ”, tức là vị Thập hồi hương, như hoa đỏ nhỏ (Mạn-thù-sa). “Nhập” Sự lý đã dung thông tự tại vô ngại, tự tại lưu chú nhập vận từ A đến Trà, nhập biển Tát-bà-nhã. Như Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý, Như lượng thông đạt tự tại. Như lượng tri kiến năng giữ gìn các đức. Như lý tri kiến năng ngăn ngừa các Hoặc, tức là vị Thập địa, như hoa đỏ lớn (hoa Ma-ha Mạn-thù-sa). Nhưng viên giáo diệu vị trong nhất vị, tức đã đầy đủ công đức của bốn mươi một địa, chỉ “khai” tức đủ cả “thị, ngộ, nhập”, lại chẳng có tâm khác, chỉ Như lý tri kiến không có phân biệt tướng cạn sâu, muốn hiển bày Như lượng tri kiến nên phân biệt bốn vị thôi! Phát tâm, tất cánh, cả hai không khác. Như vậy hai tâm thì tâm trước khó. Đã nói khó dễ, tức biết sơ tâm và tất cánh tâm. Mọi thứ sáng tối sâu cạn khác nhau, thì cũng như mặt trăng trước sau đều tròn đầy mà chúng ta thấy trăng mỏng một và rằm khác nhau. Bốn vị tri kiến đều chiếu sáng thật tướng, mà nói “khai, nhập” khác nhau.

2. *Dựa vào bốn trí:* Nay muốn dùng bốn trí của Viên giáo đối với bốn vị, không như giải thích của Thông giáo trong thời Bát-nhã.

1. Đạo tuệ, kiến đạo thật tánh, trong thật tánh được “khai tri kiến Phật”.

2. Đạo chủng tuệ, biết tướng của các đạo chủng biệt giải hoặc trong mười pháp giới, nhất nhất đều “thị tri kiến Phật”.

3. Nhất thiết trí, là biết hết thấy pháp nhất tướng tịch diệt, tịch diệt tức “ngộ tri kiến Phật”.

4. Nhất thiết chủng trí, biết tất cả pháp nhất tướng tịch diệt tướng, bao nhiêu hành loại tướng mao đều biết, tức “nhập tri kiến Phật”. Lại, Đạo tuệ thì như lý, gọi là “khai”. Đạo chủng tuệ thì như lượng gọi là “thị”. Nhất thiết trí thì lý lượng không hai, gọi là “ngộ”. Nhất thiết chủng trí thì lý lượng song chiếu, gọi là “nhập”. Đây cũng căn cứ trong thật lý không có sâu cạn, mà phân biệt sâu cạn.

3. *Dựa vào bốn môn Viên giáo:* Theo chiều ngang giải thích bốn câu: Không môn, nhất không nhất thiết không, tức “khai tri kiến Phật”. Hữu môn, nhất hữu nhất thiết hữu, tức “thị tri kiến Phật”. Cũng không

cũng hữu môn, nhất thiết cũng không cũng hữu, tức “ngộ tri kiến Phật”. Phi không phi hữu môn, nhất thiết phi không phi hữu, tức “nhập tri kiến Phật”. Năng thông thì bốn, sở thông thì một. Khai thị ngộ nhập là môn năng thông, sở tri sở kiến là lý sở thông.

4. *Dựa vào quán tâm mà giải thích*: Quán lý tâm tánh theo tam đế thì bất khả tư nghì. Pháp quán này sáng suốt thanh tịnh gọi là “khai”. Tuy bất khả tư nghì mà năng phân biệt tâm không, giả, trung, rõ ràng không xen lẫn, gọi là “thị”. Tâm không giả trung tức ba mà một, tức một mà ba, gọi là “ngộ”. Tâm không giả trung, là phi không giả trung, mà đều chiếu không giả trung, gọi là “nhập”. Đó là nhất tâm tam quán mà phân ra khai thị ngộ nhập có khác nhau.

Sở dĩ giải thích theo bốn thứ đó là vì: thấy lý do vị, vị lập do trí, trí phát do môn, môn thông là do quán. Quán cho nên môn thông, môn thông nên trí thành, trí thành cho nên vị lập, vị lập cho nên thấy lý, thấy lý cho nên gọi là Lý nhất.

Từ “Xá-lợi-phất! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên” trở xuống, tức là kết thành nghĩa Lý nhất. Xưa phương tiện giáo, cũng có nghĩa đặc, coi như khai thị ngộ nhập, mà không phải tri kiến Phật cho nên là quyền. Nay làm rõ tri kiến Phật, cho nên là thật. Thật tức là Lý nhất.

Từ “Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát” là nói rõ Nhân (người) nhất. Căn cứ phương tiện xưa, gọi là giáo hóa hàng tam thừa, lý thật mà nói chỉ giáo hóa Bồ-tát. Như gã cùng tử kia tự cho là khách làm người hạ tiện, Trưởng giả thấy biết thật là con mình, tức là Nhân (người) nhất. Từ “Các điều làm ra thương vì một việc” trở xuống, thì ngài Quang Trạch gọi là Giáo nhất. Nay nói là Hạnh nhất, vì các hạnh của hàng tam thừa gọi là “các” (số nhiều), vì viên cho nên “các”, tức là “một việc” (nhất sự). Hạnh này thấu đáo đến đâu? Chỉ hướng đến tri kiến Phật, chính là ý Hạnh nhất. Cũng có thể coi ý đây là Giáo nhất. Nếu căn cứ Giáo chủ, nếu nói “các điều làm ra chỉ vì giáo hóa” là sự, thì đây Giáo nhất là tiện. Nếu căn cứ người tu hành, nếu nói “các điều làm ra là sự sự, làm tức là hành”, thì nay nhận lấy nghĩa này, gọi là Hạnh nhất là tiện. Nhưng bốn câu đều có hai nghĩa, đến như trong câu Lý nhất, nếu chọn năng tri kiến thì Vị nhất là tiện và nếu chọn sở tri kiến thì Lý nhất là tiện. Trong câu Nhân (người) nhất, nếu chọn giáo hóa thì Giáo nhất là tiện, nếu chọn Bồ-tát thì Nhân nhất là tiện. Trong câu Giáo nhất, nếu chọn “dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp” thì Giáo nhất đây là tiện, nếu chọn nghĩa thừa vận chuyển thì

Hạnh nhất đây là tiện. Bốn câu thông khắp cả nhưng tùy theo nghĩa nào thuận tiện mà giải thích.

Từ “Chỉ dùng một Phật thừa” thì ngài Quang Trạch nói là Nhân nhất, nay nói Giáo nhất, giáo Viên đốn gọi là “nhất Phật thừa”, cho nên Phẩm Tựa nói: “Thuyết Kinh Đại Thừa tức là giáo nghĩa vậy”. Từ Biệt giáo trở lui đều gọi là có thừa khác, tức bất liễu nghĩa, chẳng phải nhất thừa của Phật. Ngài Quang Trạch nói: “không có hai là Thanh văn Duyên giác, không có ba là riêng hành Bồ-tát”.

Lại, có người nói: “Không có Bồ-tát Duyên giác là không có hai, không Thanh văn là không có ba”. Nếu theo kiểu giải thích này, thì chỉ là không có các thừa thuộc Tam tạng và còn ở nơi Thông thừa, đâu có quan hệ gì đến nhất Phật thừa? Có người nói: “Không có Duyên giác là không có hai, không có Thanh văn là không có ba, mà chỉ còn Bồ-tát Đại thừa”. Nếu vậy, thì chỉ không có Nhị thừa trong Tam tạng, không phải không có Bồ-tát trong Tam tạng, đây là còn có thừa khác, đâu liên quan đến Phật thừa? Chỗ nào nói kinh này coi Thanh văn là thừa thứ ba? Đã không có thứ lớp này, tức đều là vọng thuyết. Nếu theo ông nói: không có hai là không có Duyên giác, không có ba là không có Bồ-tát, thì thứ nhất là Thanh văn lẽ ra không được không có. Nếu vậy thì rất đảo loạn! Nay nói “chỉ dùng một Phật thừa”, là thuần nói Viên giáo thừa của Phật pháp; “Không có thừa nào khác” nghĩa là không có thừa khác theo Biệt giáo kèm phương tiện thuyết hữu dư. “Không có hai” là không có hai thừa trong thời Bát-nhã. “Không có ba” là không có pháp Tam thừa đối trị trong thời Phương đẳng. Như thế thì hai, ba thừa này đều không có, huống hồ ba thừa thuộc Tạng giáo?!

Từ “Xá-lợi-phất! Pháp của tất cả chư Phật ở mười phương cũng như vậy”, tức là phần Tổng kết thứ năm, nói ba đời Phật đều nêu Giáo nhất, Hạnh nhất, sau tổng luận về Người nhất Lý nhất, ở văn có thể thấy. Nếu ngay đoạn này tự làm bốn nhất thì cũng được, nhưng không cần vì tổng văn đã rõ. Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Chín đời chư Phật, ba đời Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như vậy. Ba đời Phật vị lai: Cổ Phật từ bi vào đời vị lai hiện các loại hình độ chúng sinh. Vị lai hiện tại Phật, là được thọ ký đời vị lai làm Phật. Vị lai vị lai Phật là sẽ được đức Phật chuyển thứ thọ ký. Quá khứ chuẩn theo đây có thể biết... Hiện tại hiện tại Phật đang là vị hóa chủ. Hiện tại vị lai Phật, là tiếp tục Phật trước. Hiện tại quá khứ Phật là cổ Phật thù tịch. Từ “Quá khứ chư Phật”, trong đây lẽ ra đủ sáu nghĩa mà chỉ nêu ra hai thứ:

1. Khai phương tiện.

2. Hiển chân thật.

Hai chỉ ý trên. Hai chỉ ý dưới. “Dùng vô lượng vô số phương tiện” là khai quyền, “pháp ấy đều là một Phật thừa” ,là hiển thật. Theo như trên “nhất Phật thừa” tức là Giáo nhất, “theo chư Phật nghe pháp” là tuy nghe pháp, pháp gia bị cho chúng sinh, mà bao gồm đấng Nhân nhất, “rốt ráo đều đấng nhất thiết chủng trí”, chủng trí sở tri tức là Lý nhất, năng tri tức là Hạnh nhất. Tuy không theo thứ lớp mà bốn nhất bao gồm đầy đủ. Từ “Chư Phật vị lai” cũng có hai nghĩa, chỉ trên chỉ dưới, bao gồm tức đủ sáu nghĩa. Từ “Phật hiện tại” môn chính là chủ hóa độ. Phần đầu nêu ý Phật xuất hiện, như trong đoạn trên “chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”, đoạn này cũng vậy “chỉ vì lợi ích an lạc chúng sinh mà xuất hiện ở đời”, tiếp đến khai quyền hiển thật, cũng đầy đủ bốn nhất.

